

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 45/2021/DS-ST

Ngày 16-4-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và Kiện đòi tiền nợ hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ân- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm 7, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1973. Đại chỉ: Tổ dân phố số 16, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

+ Ông Bùi Đức X, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm 6B, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

+ Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm 14, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định;

+ Chị Vũ Thị L3, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm 9, xã XV, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, chị L có mặt; chị Y vắng mặt không lý do; những người làm chứng vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-12-2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Năm 2018, do cùng tham gia lớp học tư vấn viên bảo hiểm nên chị Đỗ Thị L có quen biết chị Phạm Thị Y. Sau đó, chị L và chị Y cùng tham gia chơi hội tương trợ với nhau. Tháng 7 năm 2019, chị L được cấp hội với số tiền 200.000.000đ nhưng chưa sử dụng đến khoản tiền này. Ngày 18-9-2019, tại nhà ở của mình, chị L đã cho chị Y vay lại toàn bộ số tiền trên. Sau khi nhận tiền, chị Y có viết biên nhận nhưng không đủ nội dung nên chị L đã tự tay viết lại giấy biên nhận vay tiền mặt, trong đó thể hiện rõ tên tuổi người vay, số tiền vay, thời hạn thanh toán, lãi suất tính hai bên thỏa thuận (theo lãi suất ngân hàng). Chị Phan Thị Y đã ký vào phần người vay. Tuy nhiên, từ khi vay chị Y không trả lãi và gốc như đã thỏa thuận.

Ngoài ra, ngày 25-8-2019 âm lịch, chị Y chủ động dựng hội tiền gồm 13 suất; trong đó có chị Y, chị L, ông X, anh L1, anh L2 (chị L3) và 08 người khác, mỗi người tham gia đóng 01 suất hội, chị Y là chủ hội. Theo quy ước, hội đóng vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, mỗi tháng cấp 01 suất, mỗi suất đóng 20.000.000đ, những người đã lấy hội thì hàng tháng nộp thêm 2.000.000đ tiền lãi. Chị Y là chủ hội nên lấy số đầu tiên, các số còn lại theo thứ tự bốc thăm, anh L2 (L3) số 9, chị L số 12, ông X số 13, ông L1 số 11. Hàng tháng, các thành viên trong hội đóng tiền cho chị Y; người được L hội cũng nhận tiền từ chị Y; người đóng hội, người lấy hội đều ký sổ do chị Y lập và giữ. Hàng tháng, chị L và các thành viên khác đều đóng hội đầy đủ cho chị Y để chị Y thực hiện nghĩa vụ của chủ hội. Đến tháng thứ 12, chị Y tự ý nói chị L đổi cho ông X, chị L lấy số 13, ông X lấy số 12. Thông thường, vào ngày cấp hội (25 âm lịch hàng tháng), các thành viên trong hội gặp nhau tại nhà anh L1 ở xóm 6 xã Hải Lý để liên hoan, đóng tiền và nhận tiền hội. Tuy nhiên, từ số thứ 9 anh L2 (chị L3) được cấp hội, do dịch Covid nên hội không tập trung ăn nhưng chị L và các thành viên khác đều đóng tiền hội đầy đủ cho chị Y. Từ số 11, chị Y đã nhận tiền hội do các thành viên đóng góp nhưng lại không thanh toán tiền cho những người được cấp hội gồm ông L1, ông X, chị L. Do chị L nhận số 13 (do năm nhuận nên số cuối cùng được rút hội vào tháng 7/2020) nên trừ suất của mình, chị Y còn phải giao cho chị L tổng số tiền hội là 262.000.000đ. Chị L nhiều lần đến đòi nợ nhưng chị Y cố tình trốn tránh. Ngày 02-9-2020 dương lịch tức 15-7-2020 âm lịch, chị Y ký cam kết sẽ trả nợ cho ông L1 và tháng 8 âm lịch 2020, ông X vào tháng 9 âm lịch năm 2020 và chị L vào tháng 10 âm lịch năm 2020. Do chị Y viết không rõ ràng nên ông L1 đã viết giấy

cam kết này để chị Y ký, ghi rõ họ tên vào phần người viết giấy. Đến hạn, chị Y vẫn trốn tránh không trả tiền nợ hội cho chị L.

Như vậy, tổng cộng cả tiền vay và tiền hội, chị Y còn nợ chị L 462.000.000đ. Do đã hết hạn nhưng chị Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Y phải trả nợ chị L 462.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Chị L không công nhận các nội dung và chữ ký trong 02 bản pho to viết tay đề ngày 25/10/2020 do chị Y nộp tại Tòa án. Do chị Y không nộp giấy tờ gốc của các văn bản mà chỉ nộp bản phô tô nên chị L không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-02-2021 và đơn viết tay đề ngày 05-02-2021, bị đơn chị Phạm Thị Y công nhận có vay của chị L số tiền 200.000.000đ và số tiền hội bà L được nhận là 262.000.000đ. Tuy nhiên, vào ngày 25-10-2020, chị L được L hội, chị Y đã giao tiền hội 262.000.000đ và tiền vay 200.000.000đ cho chị L nhận đủ, chị L đã ký tên người nhận trong 02 văn bản do chị Y lập. Chị Y đã giao nộp 02 tờ giấy phô tô, trong đó có 01 bản pho tô loại giấy học sinh ghi “Kỳ 12”, ghi tên 13 người, có nội dung chị Y viết đã giao đủ tiền hội 262.000.000đ vào ngày 25-10-2020 và 01 bản pho to loại giấy học sinh do chị Y viết đề ngày 25-10-2020 với nội dung chị Y đã trả xong cho chị L số tiền 462.000.000đ. Chị Y chỉ nộp bản phô tô mà không nộp bản gốc 02 văn bản trên. Do đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ nên chị Y không nhất trí trả nợ theo yêu cầu của chị L.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông L1, ông X, chị L3, anh L2 đều trình bày thống nhất về chủ hội, số người tham gia chơi hội, nội dung, quy ước của hội. Những người làm chứng đều khẳng định họ và chị L có tham gia hội do chị Y làm chủ bắt đầu từ ngày 25-8-2019 âm lịch; công nhận các nội dung khác liên quan đến hội tiền như chị L đã trình bày. Những người làm chứng đều công nhận việc chị Y nợ hội của chị L là có thật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo vụ án quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, xem xét tính hợp pháp của toàn bộ hồ sơ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của của chị Đỗ Thị L, buộc chị Phạm Thị Y phải trả khoản tiền nợ gốc 462.000.000đ cho chị Đỗ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bị đơn chị Phạm Thị Y vắng mặt tại phiên tòa hai lần không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Y là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

2.1 *Đối với quan hệ vay tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, chị L, chị Y đều thừa nhận, ngày 18-9-2019, tại nhà chị L, chị L đã cho chị Y vay số tiền 200.000.000đ. Hai bên đã lập hợp đồng trong đó có tên người vay, người cho vay, số tiền vay, thời hạn vay, thỏa thuận về lãi suất vay. Chị L khẳng định chưa nhận tiền gốc, lãi từ chị Y theo thỏa thuận mặc dù đã quá hạn trả nợ. Tại đơn trình bày và biên bản lấy lời khai, chị Y khai đã trả toàn bộ số tiền vay vào ngày 25-10-2020 âm lịch cho chị L. Để chứng minh cho việc đã trả, chị Y nộp cho Tòa án 02 bản phô tô trong đó có nội dung chị Y đã thanh toán trả tiền vay, tiền hội cho chị L. Văn bản này không được chị L thừa nhận. Tòa án đã yêu cầu nhưng chị Y không nộp bản chính nên các nội dung có trong 02 bản phô tô chị Y đã nộp cho Tòa án cũng như lời khai của chị Y về việc đã trả cho chị L số tiền 462.000.000đ không có cơ sở chấp nhận. Do chị Y không chứng minh được việc đã trả cho chị L 200.000.000đ nên cần buộc chị Y phải trả cho chị L 200.000.000đ tiền vay gốc là phù hợp với các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự.

2.2 *Đối với số tiền nợ hội*: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, chị Y có những lời khai mâu thuẫn với nhau. Một mặt, chị Y không thừa nhận là chủ hội nhưng mặt khác lại thừa nhận có viết cam kết trả tiền nợ hội cho ông X, ông L1 và chị L số tiền 262.000.000đ vào ngày 02-9-2020. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, chị Y còn xuất trình 02 bản phô tô và khẳng định đã thanh toán tiền vay và tiền hội cho chị L vào ngày chị L được lấy hội (ngày 25-10-2020 âm lịch). Những người làm chứng gồm chị L3, anh L2, ông L1, ông X có tên trong danh sách tham gia hội được chị L, chị Y thừa nhận đều khẳng định chị Y đứng ra dựng hội, là chủ hội, đã lấy suất hội đầu tiên, hội bắt đầu từ ngày 25-8-2019 âm lịch, do năm nhuận nên kết thúc vào ngày 25-7-2020 âm lịch. Những người làm chứng đều công nhận việc chị Y còn nợ tiền hội của chị L, ông L1, ông X nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho chị L. Như vậy, việc chị Y khai cấp hội cho chị L vào ngày 25-10-2020 âm lịch là không phù hợp, không logic với thời hạn giao tiền hội theo quy ước hội mà phải xác định chị Y nợ tiền hội của chị L như chị L, ông L1, ông X đã trình bày.

Do chị Y không chứng minh được việc đã trả tiền hội cho chị L nên cần buộc chị Y phải trả 262.000.000đ tiền hội cho chị L là phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, họ, hội, biểu, phường.

2.3 Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, chị L không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay và lãi đối với việc chậm giao tiền hội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, họ, hội, biểu, phường; Điều 227, 228 Bộ luật tố Tụng Dân sự;

1. Xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị L kiện đòi nợ tiền vay và đòi nợ tiền hội đối với chị Phạm Thị Y là hợp pháp.

2. Buộc chị Phạm Thị Y phải trả cho chị Đỗ Thị L 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền vay gốc và 262.000.000đ (hai trăm sáu mươi hai triệu đồng) tiền nợ hội; tổng cộng là 462.000.000đ (bốn trăm sáu hai triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị Phạm Thị Y phải nộp 22.480.000đ (hai hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Đỗ Thị L số tiền 3.300.000đ (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000002463 ngày 31-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Thịnh L1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Tùng Đỗ Việt Hùng

Ngô Thị Hòe

- Nơi nhận:***
- Đường sự;
 - TAND tỉnh;
 - VKSND huyện;
 - Chi cục THADS huyện;
 - UBND TT Thịnh L1;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Tùng Đỗ Việt Hùng

Ngô Thị Hòe

- Nơi nhận:**
- Đường sự;
 - TAND tỉnh;
 - VKSND huyện;
 - Chi cục THADS huyện;
 - UBND xã Hải Minh;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe